

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức HDND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 13/10/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa cho phép lập Dự án Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1108/QĐ - UBND ngày 15/3/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập dự án quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa điều chỉnh Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 15/3/2009;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1144/TTr-SXD ngày 26/5/2011 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 (dự án quy hoạch kèm theo) với những nội dung chính sau:

**1. Quan điểm và Mục tiêu của Quy hoạch:**

**a. Quan điểm:**

- Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội đã phê duyệt; phù hợp với quy hoạch các ngành trên địa bàn tỉnh đã được xây dựng; phù hợp với các quy hoạch phát triển ngành vật liệu xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020; điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp xi măng ở Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 và Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020.



- Xem xét giải thể các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường; hướng phân bố các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng mới tập trung vào các cụm công nghiệp của tỉnh. Các vật liệu xây dựng thông thường phân bố gần với vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ để giảm bớt việc vận chuyển đi xa.

#### b. Mục tiêu:

- Phần đầu đạt được sản lượng vật liệu xây dựng theo nhu cầu đã được dự báo đối với các chủng loại vật liệu xây dựng thông thường. Phát huy hết công suất sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế cao dựa trên lợi thế về tài nguyên, nguồn nhân lực và vị trí địa lý để cung cấp cho thị trường các tỉnh lân cận và xuất khẩu.

- Nâng giá trị sản xuất ngành công nghiệp vật liệu xây dựng đến năm 2015 gấp 6 - 7 lần, năm 2020 gấp 9 - 10 lần so với năm 2008. Nhịp độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2008 - 2020 đạt khoảng 20 - 22%.

- Thu hút thêm hơn 3.000 lao động phục vụ cho các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, trong đó có trên 10% là cán bộ kỹ thuật chuyên ngành từ trung cấp trở lên.

### 2. Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020:

#### 2.1. Năng lực sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2020:

TT	Chủng loại VLXD	Đơn vị	Năng lực sản xuất	
			Năm 2015	Năm 2020
1	Xi măng	triệu tấn	1,63*	1,63*
2	Vật liệu xây	triệu viên	561	778
	Trong đó: - Gạch nung	triệu viên	357	387
	- Gạch bloc bê tông	triệu viên	117	234
	- Gạch bê tông nhẹ	triệu viên	87	157
3	Vật liệu lợp	triệu m <sup>2</sup>	1,355	2,355
4	Cát xây dựng	triệu m <sup>3</sup>	0,96 - 1,03	1,58 - 1,63
5	Đá xây dựng	triệu m <sup>3</sup>	2,12 - 2,37	2,92 - 3,17
6	Bê tông đúc sẵn	1.000 m <sup>3</sup>	26	31
8	Đá ốp lát	1.000 m <sup>2</sup>	4.600	6.600
	Trong đó: - Đá ốp lát tự nhiên	1.000 m <sup>2</sup>	3.600	5.600
	- Đá ốp lát nhân tạo	1.000 m <sup>2</sup>	1.000	1.000
9	Cát thủy tinh	1.000 tấn	800	1.350
	- Sodium silicate	1.000 tấn	50	100
10	Gạch lát bê tông màu	1.000 m <sup>2</sup>	150	150
11	Gạch lát terrazzo	1.000 m <sup>2</sup>	400	400
12	Tấm trần và vách xi măng sợi gỗ	1.000 m <sup>3</sup>	45	45

\* Chỉ có 1,63 triệu tấn xi măng được sản xuất trên địa bàn; 0,55 triệu tấn còn lại được cung cấp qua trạm trung chuyển phân phối của nhà máy xi măng Nghi Sơn.

2.2. Các công trình vật liệu xây dựng dự kiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa từ nay đến 2020 (tại phụ lục đính kèm).

### 3. Một số giải pháp để thực hiện quy hoạch:

3.1. Tập trung giải quyết tốt cân đối về tài chính phục vụ cho việc phát triển sản xuất vật liệu xây dựng. Tổng vốn đầu tư cho phát triển sản xuất vật liệu xây dựng ở tỉnh Khánh Hòa theo phương án quy hoạch đến năm 2020 là 1.776,85 -



1.802,7 tỷ đồng; trong đó, giai đoạn từ nay đến năm 2015 là 1.186,15 - 1.211,85 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2020 là 590,7 - 590,85 tỷ đồng. Để đáp ứng nhu cầu về vốn, cần huy động những nguồn vốn của các tổ chức doanh nghiệp, cá nhân và vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển sản xuất vật liệu xây dựng.

3.2. *Xây dựng các chính sách hỗ trợ ngành sản xuất vật liệu xây dựng.* Các cơ quan chức năng cần có chính sách, cơ chế thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực: nguồn vốn, đất đai, mặt bằng sản xuất; chính sách hỗ trợ cho nghiên cứu vật liệu xây dựng mới trong tiến trình hội nhập quốc tế; nâng cao năng lực và vai trò của các Hội nghề nghiệp, doanh nghiệp để tìm hiểu nhu cầu phục vụ xây dựng chính sách, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh phát triển thị trường.

3.3. *Đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư và điều tra cơ bản để phục vụ cho yêu cầu phát triển vật liệu xây dựng.* Đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư và điều tra cơ bản để phục vụ cho yêu cầu phát triển ngành vật liệu xây dựng; trước mắt cần tiến hành thăm dò chi tiết các mỏ cát xây dựng, sét gạch ngói dự kiến đầu tư khai thác trong giai đoạn từ nay đến năm 2015; tiếp tục tiến hành điều tra cơ bản về nguồn khoáng sản làm vật liệu xây dựng như đối với các loại đất đá ôp lát, sét gạch ngói, đá xây dựng, cát xây dựng... nhằm kịp thời điều chỉnh các số liệu phục vụ cho nhu cầu phát triển vật liệu xây dựng. Tiến hành bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh theo kế hoạch từ 3 - 5 năm

3.4. *Tăng cường đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật ngành vật liệu xây dựng phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất và nghiên cứu vật liệu xây dựng:* Ước tính số nhân lực cần đáp ứng cho nhu cầu phát triển các loại vật liệu xây dựng trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 là 3.281 người (trong đó: số kỹ sư, cử nhân là 328 người, trung cấp và công nhân kỹ thuật là 2.953 người). Các doanh nghiệp, chủ đầu tư cần phối hợp với các tổ chức khoa học, các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... để đào tạo lực lượng lao động phục vụ ngành trong thời gian tới.

3.5. *Tăng cường kiểm soát, giám định công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm ô nhiễm môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng.* Tổ chức thẩm định công nghệ các dự án đầu tư phát triển vật liệu xây dựng mới. Tăng cường kiểm soát, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm và đăng ký về môi trường của các doanh nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng.

3.6. *Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu vật liệu xây dựng sang các nước để thúc đẩy sản xuất vật liệu xây dựng phát triển.* Mở rộng thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất vật liệu xây dựng sẽ thúc đẩy sản xuất trên địa bàn phát triển. Đối với các cơ quan quản lý của tỉnh: Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh trong việc xúc tiến thương mại điện tử, mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm vật liệu xây dựng mới được sản xuất trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Đối với các cơ sở sản xuất: đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tham gia các hội chợ, triển lãm, hội thảo, giới thiệu và bán sản phẩm vật liệu xây dựng để cập nhật thông tin và quảng bá những sản phẩm; đẩy mạnh xuất khẩu để mở rộng thị trường vật liệu xây dựng.



Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có số dân đông, trong đó số lượng dân cư sống ở các vùng nông thôn tương đối lớn, để mở rộng thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng cần thiết phải quan tâm đến thị trường khu vực nông thôn.

**3.7. Giải pháp về bảo vệ môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng:** Để giữ cho môi trường trong lành, hạn chế những tác động xấu, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện: Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Giao thông vận tải; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố và quản lý triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /x

*Nơi nhận :*

- Như điều 3;
- Các Bộ: XD, TN&MT;
- TT.TU;
- TT.HỖND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT,HN, HP, P.XD-NĐ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*[Signature]*  
**Lê Đức Vinh**

**Phụ lục: Tổng hợp các công trình VLXD dự kiến đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa từ nay đến 2020**  
(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011)

TT	Danh mục công trình	Địa điểm	Giai đoạn 2011 - 2015		Giai đoạn 2016 - 2020	
			Công suất đầu tư	Vốn đầu tư dự tính	Công suất đầu tư	Vốn đầu tư dự tính
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.186,15 - 1.211,85 tỷ đồng</b>		<b>590,7 - 590,85 tỷ đồng</b>
I	<b>KT cát thủy tinh</b>					<b>11 tỷ đồng</b>
1	Tinh chế cát thủy tinh phục vụ trong nước và xuất khẩu.	Mỏ cát trắng huyện Cam Lâm	-	-	550.000 T/năm	11 tỷ đồng
II	<b>CB cát thủy tinh</b>			<b>107 tỷ đồng</b>		<b>107 tỷ đồng</b>
2	SX Sodium silicate	KCN Bắc Cam Ranh	50.000 T/năm	107 tỷ đồng	50.000 T/năm	107 tỷ đồng
III	<b>Khai thác đá khô</b>			<b>125 tỷ đồng</b>		<b>75 tỷ đồng</b>
3	Đầu tư TD, KT các mỏ đá ốp lát để đưa vào QH chung của cả nước	Tân Dân - Suối Luông - Suối Háng (lưu ý QH giao thông và các vị trí phòng thủ quốc phòng) Núi Đạn Diên Tân, Diên Lộc, Suối Tiên và Nam Suối Tiên Suối Cát	250.000 m <sup>3</sup> /năm	125 tỷ đồng	150.000 m <sup>3</sup> /năm	75 tỷ đồng
IV	<b>Chế biến đá ốp lát</b>			<b>390 tỷ đồng</b>		<b>100 tỷ đồng</b>
4	SX đá ốp lát nhân tạo	KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh	1 triệu m <sup>2</sup> /năm	300 tỷ đồng	-	-
5	Đầu tư các nhà máy chế biến	Huyện Diên Khánh	1 triệu m <sup>2</sup> /năm	50 tỷ đồng	0,8 tr. m <sup>2</sup> /năm	40 tỷ đồng
		Huyện Vạn Ninh	0,8 tr. m <sup>2</sup> /năm	40 tỷ đồng	0,8 tr. m <sup>2</sup> /năm	40 tỷ đồng
		Huyện Cam Lâm	-	-	0,4 tr. m <sup>2</sup> /năm	20 tỷ đồng
V	<b>Vật liệu xây</b>			<b>333,85 tỷ đồng</b>		<b>183,85 tỷ đồng</b>
	<b>Gạch nung</b>			<b>180 tỷ đồng</b>		<b>30 tỷ đồng</b>
6	1 cơ sở sản xuất gạch nung tuyn nen	Xã Khánh Đông, Khánh Bình, H. Khánh Vĩnh	-	-	30 tr.viên/năm	30 tỷ đồng
7	Chuyển đổi công nghệ	Ninh Hòa, Diên Khánh, Khánh Vĩnh	180 triệu viên/năm	180 tỷ đồng	-	-
	<b>Gạch bloc bê tông</b>			<b>3,85 tỷ đồng</b>		<b>3,85 tỷ đồng</b>
8	Đầu tư sản xuất gạch bloc bê tông	CCN Đặc Lộc, TP Nha Trang	10 tr.viên/năm	0,35 tỷ đồng	10 tr.viên/năm	0,35 tỷ đồng
		CCN VLXD Cam Phước Đông	20 tr.viên/năm	0,70 tỷ đồng	20 tr.viên/năm	0,70 tỷ đồng



		CCN Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa	50 tr.viên/năm	1,75 tỷ đồng	50 tr.viên/năm	1,75 tỷ đồng
		KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh	20 tr.viên/năm	0,70 tỷ đồng	10 tr.viên/năm	0,70 tỷ đồng
		Cụm Ba Bắc, H. Khánh Sơn	10 tr.viên/năm	0,35 tỷ đồng	10 tr.viên/năm	0,35 tỷ đồng
	<b>Gạch bê tông nhẹ</b>			<b>150 tỷ đồng</b>		<b>150 tỷ đồng</b>
9	Đầu tư sản xuất bê tông khí chưng áp	KCN Vạn Ninh, huyện Vạn Ninh	100.000 m <sup>3</sup> /năm	150 tỷ đồng	100.000 m <sup>3</sup> /năm	150 tỷ đồng
VI	<b>Vật liệu lọc</b>			<b>10 tỷ đồng</b>		<b>10 tỷ đồng</b>
10	Đầu tư sản xuất ngói màu xi măng - cát	CCN Đắc Lộc, TP. Nha Trang	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng
		CCN Diên Thọ, H. Diên Khánh	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng
		KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng
		KCN Ninh Thủy, H. Ninh Hòa	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng
		CCN VLXD Cam Phước Đông	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng	0,2 tr.m <sup>2</sup> /năm	2 tỷ đồng
VII	<b>Đá xây dựng</b>			<b>126 - 151 tỷ</b>		<b>84 tỷ đồng</b>
11	Đầu tư mở rộng, đầu tư mới khai thác, chế biến đá xây dựng tại các mỏ thuộc các huyện, thị	Huyện Diên Khánh	250 - 300 ngàn m <sup>3</sup> /năm	35 - 42 tỷ đồng	100 ngàn m <sup>3</sup> /năm	14 tỷ đồng
		Thị xã Ninh Hòa	100 - 150 ngàn m <sup>3</sup> /năm	14 - 21 tỷ đồng	100 ngàn m <sup>3</sup> /năm	14 tỷ đồng
		Huyện Vạn Ninh	200 - 250 ngàn m <sup>3</sup> /năm	28 - 35 tỷ đồng	200 ngàn m <sup>3</sup> /năm	28 tỷ đồng
		TP. Cam Ranh	250 - 300 ngàn m <sup>3</sup> /năm	35 - 42 tỷ đồng	100 ngàn m <sup>3</sup> /năm	14 tỷ đồng
		Huyện Cam Lâm	100 - 150 ngàn m <sup>3</sup> /năm	14 - 21 tỷ đồng	200 ngàn m <sup>3</sup> /năm	28 tỷ đồng
		Huyện Khánh Sơn	-	-	100 ngàn m <sup>3</sup> /năm	14 tỷ đồng
VII I	<b>Cát xây dựng</b>			<b>9,3 - 10 tỷ đồng</b>		<b>4,85 - 5 tỷ đồng</b>
12	Đầu tư khai thác các mỏ cát lòng sông	Hệ thống sông, suối tại địa bàn các huyện, thị xã				
	+ Huyện Diên Khánh	nt	250 - 300 ngàn m <sup>3</sup> /năm	2,5 - 3 tỷ đồng	-	-
	+ Thị xã Ninh Hòa	nt	80 - 100 ngàn m <sup>3</sup> /năm	1 - 1,2 tỷ đồng	20 - 40 ngàn m <sup>3</sup> /năm	0,35 - 0,5 tỷ đồng
	+ Huyện Khánh Sơn	nt	80 ngàn m <sup>3</sup> /năm	1 tỷ đồng	20 ngàn m <sup>3</sup> /năm	0,35 tỷ đồng
	+ Huyện Cam Lâm	nt	50 ngàn m <sup>3</sup> /năm	0,65 tỷ đồng	-	-
	+ Huyện Khánh Vĩnh	nt	50 ngàn m <sup>3</sup> /năm	0,65 tỷ đồng	50 ngàn m <sup>3</sup> /năm	0,65 tỷ đồng

13	Đầu tư sản xuất cát nhân tạo	Huyện Vạn Ninh	450 ngàn m <sup>3</sup> /năm	3,5 tỷ đồng	-	-
		Thành phố Cam Ranh	-	-	450 ngàn m <sup>3</sup> /năm	3,5 tỷ đồng
<b>IX</b>				<b>20 tỷ đồng</b>	<b>15 tỷ đồng</b>	
14	Bê tông cấu kiện	KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh	4.000 m <sup>3</sup> /năm	5 tỷ đồng	-	-
15	Bê tông dự ứng lực	KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh	-	-	5.000 m <sup>3</sup> /năm	15 tỷ đồng
16	Bê tông dự ứng lực	KCN Ninh Thủy, Ninh Hòa	5.000 m <sup>3</sup> /năm	15 tỷ đồng	-	-
Các loại VLXD trang trí hoàn thiện khác				<b>65 tỷ đồng</b>		
17	Gạch lát hệ tự chèn	KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh	50 ngàn m <sup>3</sup> /năm	2 tỷ đồng	-	-
		CCN Diên Thọ, H. Diên Khánh	50 ngàn m <sup>3</sup> /năm	2 tỷ đồng	-	-
		CCN VLXD Cam Phước Đông	50 ngàn m <sup>3</sup> /năm	2 tỷ đồng	-	-
18	SX gạch terrazzo	CCN Diên Thọ, H. Diên Khánh	150 ngàn m <sup>3</sup> /năm	7 tỷ đồng	-	-
		KCN Ninh Thủy, Ninh Hòa	150 ngàn m <sup>3</sup> /năm	7 tỷ đồng	-	-
19	SX tấm trần và vách sợi	KCN Ninh Thủy, Ninh Hòa	15 ngàn m <sup>3</sup> /năm	15 tỷ đồng	-	-
		CCN VLXD Cam Phước Đông	15 ngàn m <sup>3</sup> /năm	15 tỷ đồng	-	-
		KCN Vạn Ninh, H. Vạn Ninh	15 ngàn m <sup>3</sup> /năm	15 tỷ đồng	-	-

